

Bản án số: 1146/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 30-11-2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Cao

Các Thẩm phán:

Bà Châu Thị Điệp

Bà Đặng Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26, 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2018/TLPT-HNGĐ ngày 28/9/2018 về “Tranh chấp ly hôn”. Do bản án sơ thẩm số 1104/2018/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4938/2018/QĐ-PT ngày 25/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9507/2018/QĐ-PT ngày 16/11/2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Minh T, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: số 1 C, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Chí Đoan H, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Phường 17, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Đ, sinh năm 1950.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Thanh B, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền số chứng thực 18, quyển số 1 tại UBND phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định ngày 21/4/2018).

Do có kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Chí Đoan H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/9/2016 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Phan Minh T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Chí Đoan H kết hôn vào năm 2003 và đã được UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 010, quyển số 01/2003, ngày 14/01/2003.

Sau khi kết hôn, ông và bà H chung sống bình thường, đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bà H thay đổi cách sống, bà Hạnh có ý định chiếm đoạt căn nhà số 125/1/5 L, Phường 17, quận G là tài sản chung giữa ông và bà H thành tài sản riêng của bà H. Ông không còn tình cảm với bà H, ông yêu cầu ly hôn bà H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà H không có con chung nên đã nhận trẻ Phan Nguyễn Thái L, sinh ngày 26/8/2010 làm con nuôi. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ L, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung gồm có:

* Thửa đất có diện tích 272,7m² đất tọa lạc tại xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, ông và bà H đã được UBND thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp GCNQSDĐ ngày 25/7/2012. Ông yêu cầu chia đôi thửa đất, ông và bà H mỗi người hưởng 1/2 thửa đất.

* Căn nhà số 125/1/5 (số cũ B1, đường 26/3) L, Phường 17, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, bà H đã bán với giá 1.400.000.000 đồng, ông chỉ yêu cầu bà H chia cho ông 500.000.000 đồng.

Về nghĩa vụ dân sự: Ông và bà H có nợ của ông Phan Đ số tiền 70.000.000 đồng; ông và bà H mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông Đ 35.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Chí Đoan H trình bày: Bà thừa nhận lời khai của ông T về quan hệ hôn nhân, về con chung là đúng. Hiện nay, bà không còn tình cảm với ông T nữa, bà đồng ý ly hôn.

Về con chung, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ L và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.800.000 đồng/tháng, cho đến khi trẻ thành niên.

Về tài sản chung:

* Bà thừa nhận thửa đất có diện tích 272,7m² đất tọa lạc tại xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa là tài sản chung, bà đồng ý chia đôi hiện trạng thửa đất, bà và ông T mỗi người hưởng 1/2 diện tích đất.

* Về căn nhà số 125/1/5 L, Phường 17, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, bà có ý kiến như sau: Bà và ông T mua nhà trên của ông H, bà C vào đầu năm 2009. Do nợ tiền mua nhà và nợ tiền vay nên ngày 12/9/2009, ông T đã làm giấy ủy quyền cho bà được quyền định đoạt căn nhà này trong thời hạn 3 năm kể từ ngày ủy quyền. Ngày 15/9/2009, bà và ông T đến Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Hòa Hưng thế chấp nhà vay số tiền 840.000.000 đồng để trả bớt nợ. Ngày 24/6/2011, bà thanh toán xong tiền vay của ngân hàng, bà giải chấp nhà và do không có tiền trả nợ nên ngày 05/9/2012, bà đã bán căn nhà này cho bà Đặng Thị H (cô ruột của bà) với giá 1.400.000.000 đồng; số tiền bán nhà bà đã trả nợ hết 1.100.000.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng bà đã chi tiêu hết cho sinh hoạt gia đình. Thời gian sau, bà Đặng Thị H nhờ bà đứng tên dùm căn nhà trên và sau đó, theo yêu cầu của bà H, bà bán nhà cho ông S, bà H với giá 1.400.000.000 đồng vào ngày 23/7/2015. Ông T cho rằng căn nhà trên là tài sản chung và yêu cầu bà chia cho ông số tiền 500.000.000 đồng tiền bán nhà, bà không đồng ý, vì số tiền bán nhà bà đã trả nợ và chi tiêu hết cho sinh hoạt gia đình.

Về nghĩa vụ dân sự: Bà và ông T còn nợ của ông Phan Đ (cha của ông T) số tiền 70.000.000 đồng; bà và ông T mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông Đ 35.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Đ có ông Phan Thanh B đại diện trình bày: Ông T, bà H nợ ông Đ 70.000.000 đồng; ông Đ yêu cầu ông T, bà H mỗi người thanh toán cho ông Đ 35.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 1104/2018/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông Phan Minh Thụ và bà Nguyễn Chí Đoan H (Giấy chứng nhận kết hôn số 010, quyển số 01/2003 của Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp cho ông T, bà H ngày 14/01/2003 không còn giá trị pháp lý).

2. Về con chung, giao bà Nguyễn Chí Đoan H trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Phan Nguyễn Thái L, sinh ngày 26/8/2010, ông Phan Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.800.000 đồng cho đến khi trẻ thành niên.

3. Về tài sản chung:

3.1. Xác định thửa đất có diện tích 272,7m² đất tọa lạc tại xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa là tài sản chung của bà Nguyễn Chí Đoan H và ông Phan Minh T (Theo GCNQSDĐ số CH 02115/22405 của UBND thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp cho bà H, ông T ngày 25/7/2012). Theo Hiện trạng bản vẽ vị trí của Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ xây dựng Tuấn Huy đo đạc ngày 21/6/2018 thì thửa đất này được phân ra làm hai phần (Phần A có diện tích 136,3m² đất và phần B có diện tích 136,4m² đất) và được phân chia như sau:

* Ông Phan Minh T được quyền quản lý, sử dụng phần A có diện tích 136,3m² đất theo bản vẽ Hiện trạng vị trí đất nêu trên.

* Bà Nguyễn Chí Đoan H được quyền quản lý, sử dụng phần B có diện tích 136,4m² đất theo bản vẽ Hiện trạng vị trí đất nêu trên.

Ông T, bà H có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục tách thửa đất nêu trên và hoàn thành nghĩa vụ đóng tiền thuế sử dụng đất còn nợ cho Chi cục thuế thành phố N theo quy định pháp luật về thuế.

3.2 Bà Nguyễn Chí Đoan H có trách nhiệm chia cho ông Phan Minh T số tiền 500.000.000 đồng từ tiền bán căn nhà số 125/1/5 L, Phường 17, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi bản án có hiệu lực.

4. Về nghĩa vụ dân sự, chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phan Đ: Buộc bà Nguyễn Chí Đoan H và ông Phan Minh T mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông Đ 35.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của ông T đối với trẻ L... quyền thỏa thuận thi hành án, người chịu án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/8/2018, bà Nguyễn Chí Đoan H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Cấp sơ thẩm cho rằng căn nhà số 125/1/5 L nêu trên là tài sản chung giữa bà và ông T và buộc bà phải thanh toán cho ông T số tiền 500.000.000 đồng (tiền bán nhà) là không đúng, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu của ông T đòi bà thanh toán cho ông số tiền 500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ.

Bà Nguyễn Chí Đoan H trình bày: Ngày 12/9/2009, ông T ủy quyền cho bà được quyền định đoạt nhà trên trong thời hạn 3 năm để vay tiền ngân hàng và bà đã vay ngân hàng 840 triệu đồng để trả nợ. Ngày 24/6/2011, bà thanh toán xong tiền vay của ngân hàng, bà giải chấp nhà và do không có tiền trả nợ cũ và nợ mới trong thời gian vay tiền ngân hàng nên ngày 05/9/2012, bà đã bán căn nhà này cho bà Đặng Thị H (cô ruột của bà) với giá 1.400.000.000 đồng; số tiền bán nhà bà đã trả cho bà Đặng Thị Phi A là mẹ của bà 690 triệu đồng, trả cho bà Đặng Thị Phi P là dì ruột của bà 450 triệu, số tiền còn lại bà đã chi tiêu hết cho sinh hoạt gia đình. Sau khi bà H mua nhà thì thời gian sau bà H nhờ bà đứng tên dùm và sau đó, theo yêu cầu của bà H, bà bán nhà cho ông S, bà H với giá 1.400.000.000 đồng. Ông T yêu cầu bà chia cho ông số tiền 500.000.000 đồng tiền bán nhà, bà không đồng ý. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà.

Ông Phan Minh T trình bày: Bà H có ý định chiếm nhà trên nên tự ý bán nhà và tự khai bán nhà để trả nợ cho bà A, bà P (mẹ và dì của bà H) là không đúng. Ông không biết và không có vay tiền của bà A, bà P. Đề nghị y án sơ thẩm.

Phản tranh luận:

Bà H và ông T giữ nguyên yêu cầu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng theo trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng Dân sự quy định về địa vị tố tụng, người tham gia tố tụng và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của các đương sự cho đến thời điểm kết thúc tranh luận. Về nội dung Viện kiểm sát phân tích: Cấp sơ thẩm đã xem xét nhiều vấn đề liên quan đến việc bà H bán nhà số 125/1/5 L nêu trên và đã buộc bà H phải thanh toán cho ông T số tiền 500.000.000 đồng là phù hợp, do đó đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 010, quyền số 01/2003 ngày 14/01/2003 của Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp cho ông Phan Minh T và bà Nguyễn Chí Đoan H đã đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa ông T và bà H là hôn nhân hợp pháp.

[2] Bản án sơ thẩm đã quyết định: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông T, bà H và giải quyết các mối quan hệ về con chung và nợ chung; Các đương sự

không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị các quan hệ pháp luật này nên phần quyết định của bản án sơ thẩm đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[3] Xét, yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Chí Đoan H không đồng ý thanh toán cho ông Phan Minh T số tiền 500.000.000 đồng từ tiền bán nhà số 125/1/5 L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] Nguồn gốc nhà số 125/1/5 (số cũ B1, đường 26/3) L, Phường 17, quận G là của vợ chồng bà Hồ Thị Lệ C bán cho ông Phan Minh T, bà Nguyễn Chí Đoan H vào ngày 20/7/2009, với giá 1.400.000.000 đồng và sau đó, bà H làm thủ tục sang tên chủ quyền thì đến ngày 07/9/2009 UBND quận G cập nhật tên bà H trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà.

[5] Ngày 15/9/2009, ông T, bà H lập hợp đồng vay Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Hòa Hưng số tiền 840.000.000 đồng, thời hạn vay 10 năm, trả dần 7.000.000 đồng vốn gốc, lãi hàng tháng theo định kỳ, tài sản thế chấp là căn nhà trên. Do ông T đi học tập và làm việc tại nước ngoài, để đảm bảo việc trả nợ nên trước đó ngày 12/9/2009, ông T đã làm giấy ủy quyền cho bà H được quyền định đoạt nhà: cho thuê, thế chấp nhà để vay tiền, bán nhà, thanh toán tiền vay ngân hàng....thời hạn ủy quyền là 3 năm kể từ ngày ủy quyền.

[5.1] Đến ngày 24/6/2011, bà H thanh toán lần cuối cho ngân hàng số tiền 143.000.000 đồng là đã trả hết số tiền nợ vay ngân hàng và ngân hàng giải chấp giấy tờ nhà 125/1/5 L (Theo bản sao kê của Ngân hàng thì từ ngày vay 15/9/2009 đến ngày 24/6/2011, số nợ dư là 0 đồng)

[5.2] Sau khi giải chấp giấy tờ nhà 125/1/5 L thì ông T, bà H làm thủ tục xin thay đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và đến ngày 09/01/2012, UBND quận G cấp thay đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho ông T, bà H (đồng sở hữu nhà).

[5.3] Ngày 05/9/2012, bà H sử dụng giấy ủy quyền của ông T ủy quyền cho bà vào ngày 12/9/2009 để bán nhà 125/1/5 L cho cô ruột là bà Đặng Thị H với giá 1.400.000.000 đồng.

[5.4] Sau đó, ngày 13/10/2012, bà Đặng Thị H làm Hợp đồng tặng cho bà H lại nhà 125/1/5 L và đến ngày 23/7/2015, bà H bán nhà cho ông Nguyễn Văn S, bà Trịnh Thị H với giá 1.400.000.000 đồng.

[6] Xét thấy, theo lời khai của bà H và các chứng cứ bà H cung cấp thì nhiều mâu thuẫn không phù hợp thực tế:

[6.1] Bà H khai trước khi mua nhà thì ngày 16/7/2009, bà có vay tiền của dì ruột là bà Đặng Thị P số tiền 300.000.000 đồng và sau đó, bà có vay thêm 150.000.000 đồng để đóng tiền ngân hàng và sinh hoạt gia đình. Đến ngày

05/9/2012, bà bán nhà trên cho bà H thì bà đã thanh toán xong số nợ 450.000.000 đồng cho bà P. Tuy nhiên, bà H xuất trình chứng cứ là giấy xác nhận nợ của bà có nợ bà P số tiền 300.000.000 đồng, nhưng bà P đã nhận đủ số tiền bà H trả vào ngày 09/6/2012.

[6.2] Bà H khai sau khi mua nhà, bà có vay tiền của mẹ ruột là bà Đặng Thị Phi A nhiều lần với tổng số tiền vay là 690.000.000 đồng để bà đóng tiền ngân hàng, trị bệnh và sinh hoạt gia đình. Sau khi bà bán nhà ngày 05/9/2012, thì đến ngày 20/9/2012 bà đã thanh toán xong số nợ 690.000.000 đồng cho bà A. Tuy nhiên, tại Biên bản hòa giải trước đó ngày 04/11/2006 thì bà H khai chỉ nợ tiền của mẹ bà là bà A 70.000.000 đồng và bà đã thanh toán xong. Ngoài ra, bà H khai bà bị bệnh, trẻ L bị bệnh nên bà vay tiền bà A để trị bệnh, nhưng bà không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Hơn nữa, trước đó vào tháng 4/2015, bà H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ông T thì bà H khai có nợ của bà Đặng Thị Phi A 70.000.000 đồng và 3 (ba) lượng vàng, đến tháng 6/2015 thì bà H rút yêu cầu khởi kiện, vụ án được đình chỉ.

[7] Bà H khai ngày 12/9/2009, ông T ủy quyền cho bà H được toàn quyền định đoạt nhà: cho thuê, thế chấp nhà để vay tiền, bán nhà, thanh toán tiền vay ngân hàng....thời hạn ủy quyền là 3 năm kể từ ngày ủy quyền và trong thời hạn này vào ngày 12/9/2012, bà đã bán nhà trên với giá 1.400.000.000 đồng và bà trả nợ hết 1.100.000.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng thì bà đã chi tiêu trong sinh hoạt gia đình nên bà không có nghĩa vụ thanh toán tiền bán nhà cho ông T.

Xét thấy, theo Điều 1 của hợp đồng ủy quyền ngày 12/9/2009, thì ông T chỉ ủy quyền cho bà H được quyền định đoạt nhà với mục đích để thế chấp nhà vay tiền ngân hàng, trường hợp bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền phát mãi nhà để thu hồi nợ. Đến ngày 24/6/2011, bên vay đã trả hết số nợ vay và ngân hàng đã giải chấp giấy tờ nhà và sau đó, ông T, bà H làm thủ tục xin thay đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và đến ngày 09/01/2012, UBND quận G cấp thay đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho ông T, bà H (đồng sở hữu nhà). Theo hợp đồng ủy quyền thì bà H chỉ được toàn quyền quyết định, định đoạt nhà...và sử dụng tiền bán nhà trong thời gian thế chấp nhà vay tiền ngân hàng; sau khi ngân hàng giải chấp nhà thì bà H không còn quyền quyết định, định đoạt tiền bán nhà; nhưng đến ngày 12/9/2012, bà H tự ý bán nhà và tự ý sử dụng tiền bán nhà mà không có sự đồng ý của ông T là không đúng.

Tại cấp sơ thẩm, ông Phan Minh T trình bày: Sau khi mua nhà, ông và bà H còn nợ của bà Chi 700.000.000 đồng và của Công ty Tài chính Frudential 190.000.000 đồng (lúc này, ông chỉ còn 50 triệu đồng). Tại thời điểm này, ông phải đi học, làm việc ở nước ngoài nên ông ủy quyền cho bà H được toàn quyền định đoạt nhà trong thời gian vay tiền ngân hàng và sau khi vay ngân hàng

840.000.000 đồng, thì ông đã thanh toán số nợ cho bà C và cho Công ty Tài chính Frudential xong. Hàng tháng ông đều gửi tiền về cho bà H trả tiền vay ngân hàng và qua Gmail ông chứng minh được bà H có trao đổi với ông về việc bán lô đất ở Bình Chánh để trả nợ ngân hàng để sớm giải chấp giấy tờ nhà. Ông không có vay tiền bà P, bà A và ông cũng không biết việc bà H vay tiền của bà P, bà A để sử dụng vào việc gì.

Như đã nêu trên, bà H khai mâu thuẫn và không chứng minh được việc vay tiền của bà P, bà A và không được ông T thừa nhận, còn ông T chứng minh được việc mua nhà, thế chấp nhà, giải chấp nhà.

Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông T là có căn cứ. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H và giữ nguyên bản án sơ thẩm. LỜI đề nghị của đại diện Viện kiểm sát được chấp nhận. Cấp sơ thẩm giải thích chưa rõ về quyền, nghĩa vụ của ông T, bà H đối với trẻ L và không trả lại tiền tạm ứng án phí 1.750.000 đồng cho ông Đ nên cấp phúc thẩm chỉnh lại cho đúng để thuận lợi cho việc thi hành bản án.

Về án phí, các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 293 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng: Các Điều 37, 38, 59, 60, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng: Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng: Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.
2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Chí Đoan H.

3. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện Thuận tình ly hôn giữa ông Phan Minh T và bà Nguyễn Chí Đoan H (Giấy chứng nhận kết hôn số 010, quyển số 01/2003 của Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp cho ông T, bà H ngày 14/01/2003 không còn giá trị pháp lý).

4. Về con chung: Giao bà Nguyễn Chí Đoan H trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Phan Nguyễn Thái L, sinh ngày 26/8/2010, ông Phan Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.800.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ thành niên.

* Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

* Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

* Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

5. Về tài sản chung:

5.1. Xác định thửa đất có diện tích 272,7m² đất tọa lạc tại xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa là tài sản chung của bà Nguyễn Chí Đoan H và ông Phan Minh T (Theo GCNQSDĐ số CH 02115/22405 của UBND thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp cho bà H, ông T ngày 25/7/2012). Theo Hiện trạng bản vẽ vị trí của Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ xây dựng Tuấn Huy đo đạc ngày 21/6/2018 thì thửa đất này được phân ra làm hai phần (Phần A có diện tích 136,3m² đất và phần B có diện tích 136,4m² đất). Ông T và bà H được phân chia thửa đất như sau:

* Ông Phan Minh T được quyền quản lý, sử dụng “phần A” có diện tích 136,3m² đất theo bản vẽ Hiện trạng vị trí đất nêu trên.

* Bà Nguyễn Chí Đoan H được quyền quản lý, sử dụng “phần B” có diện tích 136,4m² đất theo bản vẽ Hiện trạng vị trí đất nêu trên.

Ông T, bà H có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục tách thửa đất trên và hoàn thành nghĩa vụ đóng tiền thuế sử dụng đất còn nợ cho Chi cục thuế thành phố N theo quy định pháp luật về thuế.

5.2. Bà Nguyễn Chí Đoan H có trách nhiệm chia cho ông Phan Minh T số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) từ tiền bán căn nhà số 125/1/5 L, Phường 17, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi bản án có hiệu lực.

6. Về nghĩa vụ dân sự, chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phan Đ: Buộc bà Nguyễn Chí Đoan H và ông Phan Minh T mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông Đ 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực.

7. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

8. Án phí sơ thẩm ông T chịu: 200.000 đồng (án phí ly hôn), 200.000 đồng (án phí cấp dưỡng nuôi con), 47.288.880 đồng (án phí chia tài sản chung) và 1.750.000 đồng (án phí buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ), tổng cộng 49.438.880 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng của ông T đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0016901 ngày 04/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G và khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng của ông T đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0017386 ngày 01/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T còn phải nộp 39.238.880 đồng (Ba mươi chín triệu hai trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi đồng).

* Bà H chịu: 47.288.880 đồng (án phí chia tài sản chung) và 1.750.000 đồng (án phí buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ), tổng cộng 49.038.880 đồng (Bốn mươi chín triệu không trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi đồng).

* Trả lại cho ông Phan Đ số tiền 1.750.000 đồng đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0029088 ngày 27/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Án phí phúc thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà H chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng của bà H đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2018/0001065 ngày 04/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Thi hành án tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS quận G, TP.HCM;
- TAND quận G, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Cao